

Số: 379 /2024/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 28 tháng 3 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định chức danh, mức phụ cấp, việc kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức phụ cấp kiêm nhiệm và mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hoà Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về dự thảo Nghị quyết quy định chức danh, mức phụ cấp, việc kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức phụ cấp kiêm nhiệm và mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hoà Bình; Báo cáo thẩm tra số 15/BC-BPC ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chức danh, mức phụ cấp, việc kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); ở thôn, xóm, bản, khu phố, tiểu khu, tổ dân phố,... được tổ chức dưới cấp xã (sau đây gọi chung là thôn, tổ dân phố); mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức phụ cấp kiêm nhiệm và mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hoà Bình.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

c) Tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam (áp dụng đối với xã, phường, thị trấn có hoạt động nông, lâm, ngư nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam), Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam;

d) Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, gồm: Phó Bí thư chi bộ, Phó Trưởng thôn/Tổ phó Tổ dân phố, Phó Trưởng Ban công tác Mặt trận, Chi hội trưởng Chi hội Nông dân (áp dụng đối với thôn, tổ dân phố có tổ chức Chi hội Nông dân), Bí thư Chi đoàn Thanh niên, Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ, Chi hội trưởng Chi hội Cựu Chiến binh, Chi hội trưởng Chi hội Người cao tuổi;

đ) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Chức danh và mức phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này gồm các chức danh, như sau:

a) Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng uỷ;

b) Công tác Tuyên giáo, dân vận và Văn phòng Đảng uỷ;

c) Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự;

d) Công tác thể thao, thông tin, truyền thông và quản lý nhà văn hoá;

đ) Công tác văn thư, lưu trữ;

e) Công tác Xây dựng - giao thông - nông nghiệp - môi trường (đối với xã) hoặc Công tác Xây dựng - giao thông - đô thị - môi trường (đối với phường, thị trấn);

g) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

h) Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam;

i) Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

k) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

l) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam;

m) Chủ tịch Hội Người cao tuổi;

n) Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;

o) Chủ tịch Hội Khuyến học.

2. Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

a) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hưởng mức phụ cấp hàng tháng, như sau:

TT	Trình độ chuyên môn	Mức phụ cấp
1	Đại học trở lên	3.160.000 đồng
2	Cao đẳng	2.835.000 đồng
3	Trung cấp	2.510.000 đồng
4	Dưới trung cấp hoặc chưa qua đào tạo	2.135.000 đồng

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có thời gian công tác từ đủ 5 năm (60 tháng) được hưởng mức phụ cấp tăng thêm bằng 5% mức phụ cấp của chức danh hiện hưởng cao nhất; từ năm thứ sáu trở đi mỗi năm (đủ 12 tháng) được tính tăng thêm 1% mức phụ cấp của chức danh hiện hưởng cao nhất.

Riêng đối với chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự.

c) Đối với các chức danh Chủ tịch Hội Người cao tuổi, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ, Chủ tịch Hội Khuyến học là người đã nghỉ hưu được hưởng thù lao từ ngân sách nhà nước thì không được hưởng phụ cấp theo điểm a khoản 2 này.

Điều 3. Mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

1. Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; trường hợp thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành tổ dân phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã; các chức danh hưởng mức phụ cấp hàng tháng như sau:

TT	Chức danh	Mức phụ cấp
1	Bí thư Chi bộ	2.880.000 đồng
2	Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố	2.880.000 đồng
3	Trưởng Ban công tác Mặt trận	2.520.000 đồng

2. Đối với thôn, tổ dân phố không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này; các chức danh hưởng mức phụ cấp hàng tháng như sau:

TT	Chức danh	Mức phụ cấp
1	Bí thư Chi bộ	2.250.000 đồng
2	Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố	2.250.000 đồng
3	Trưởng Ban công tác Mặt trận	1.890.000 đồng

Điều 4. Việc kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách khác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố kiêm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố khác thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp quy định của chức danh kiêm nhiệm.

3. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh khác thì được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất.

Điều 5. Mức khoán kinh phí hoạt động hàng năm đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này

1. Mức khoán kinh phí hoạt động theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã

TT	Phân loại đơn vị hành chính cấp xã	Mức khoán/tổ chức
1	Cấp xã loại I	15.000.000 đồng
2	Cấp xã loại II	14.000.000 đồng
3	Cấp xã loại III	13.000.000 đồng

2. Đối với đơn vị hành chính có tiêu chí: Xã đặc biệt khó khăn, xã CT229 và xã An toàn khu được khoán tăng thêm 10% mức khoán quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp đơn vị hành chính có nhiều tiêu chí, thì chỉ được hưởng một lần mức khoán tăng thêm.

Điều 6. Mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này bằng 360.000 đồng.

Trường hợp Phó Bí thư chi bộ ở chi bộ có từ 50 đảng viên trở lên đã được hưởng chính sách hỗ trợ từ Nghị quyết khác thì không được hưởng hỗ trợ từ Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này bãi bỏ Điều 2, Điều 3 và Điều 4 Nghị quyết số 298/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức phụ cấp đối với một số chức danh khác; khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia vào công việc ở thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Khi văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu để áp dụng Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 8. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh cần giải quyết thì kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVII, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024. / *Ph*

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Tổ chức Trung ương;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ; Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- TT Tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- LĐ và CV các phòng CM thuộc VP
- Lưu : VT, TH-DN (H).

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình